

TÌM HIỂU QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI TƯ DUY CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ ĐÃ THỰC HIỆN

Nguyễn Hồng Hải, Nguyễn Đê Thủy

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

hainh@huflit.edu.vn, thuynd@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) là một bước tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội (CNXH), phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất (LLSX) và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất (QHXS) xã hội chủ nghĩa (XHCHN), trên cơ sở đó từng bước nâng dần trình độ văn minh của xã hội. CNH, HĐH là nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên CNXH mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. Để có được những thành tựu to lớn như ngày nay ở Việt Nam thì chúng ta cần phải thấy rõ quá trình đổi mới tư duy của Đảng về CNH, HĐH trong một chặng đường dài 35 năm đổi mới của đất nước.

Từ khóa— Đổi mới tư duy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết quả đổi mới, mô hình công nghiệp.

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Cho đến nay, có nhiều cách diễn đạt khác nhau về CNH, HĐH. Năm 1963, tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc (UNID) đã đưa ra định nghĩa sau đây: CNH là quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển cơ cấu kinh tế nhiều ngành ở trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm của cơ cấu kinh tế này là một bộ phận chế biến luôn thay đổi để sản xuất ra những tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, có khả năng đảm bảo cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao, bảo đảm đạt tới sự tiến bộ về kinh tế và xã hội. HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ chỗ theo những qui trình công nghệ phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật tạo ra năng suất lao động hiệu quả và trình độ văn minh kinh tế xã hội cao.

Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, LLSX giữ vai trò quyết định. Phát triển LLSX chính là phát triển hệ thống các yếu tố và phương thức kết hợp giữa các yếu tố người lao động với tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất vật chất của một xã hội nhất định. Trong đó, CNH, HĐH có vai trò to lớn, là nhân tố, động lực phát triển LLSX. Ở Việt Nam, cùng với những nhân tố khác, CNH, HĐH là một trong những giải pháp quyết định đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu, khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế, tiến kịp với các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời cải thiện đời sống của nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, củng cố vững chắc độc lập chủ quyền của Tổ quốc. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano... với nền tảng là các đột phá của công nghệ số. Cuộc cách mạng này sẽ mở ra cơ hội phát triển cho CNH, HĐH ở Việt Nam trong quá trình phát triển LLSX, bởi cuộc cách mạng công nghiệp này không nhằm vào công nghiệp, là lĩnh vực nước ta có khoảng cách rất lớn so với các nước phát triển, mà chú trọng vào công nghệ số, tạo điều kiện cho chúng ta phát triển về công nghệ số ở mọi lĩnh vực, hơn nữa, cuộc cách mạng này sẽ thúc đẩy quá trình phát triển LLSX. Đó đó, Việt Nam phải đẩy mạnh CNH, HĐH để phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện tăng cường củng cố an ninh-quốc phòng và là tiền đề cho việc xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, đủ sức tham gia một cách có hiệu quả vào sự phân công và hợp tác quốc tế.

Ngay từ đầu quá trình CNH, Đảng ta đã xác định CNH XHCHN là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Quan điểm đúng đắn này được khẳng định nhiều lần trong tất cả các Đại hội của Đảng.

A. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ VI

Trước Đại hội Đảng lần thứ VI, do những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương (đẩy mạnh CNH trong những năm 1976–1980 trong khi đất nước chưa tạo lập được những tiền đề cần thiết), chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược (đã quá thiên về công nghiệp nặng) và tổ chức thực hiện CNH (triển khai nhiều công trình có quy mô lớn) do bệnh chủ quan, duy ý chí nóng vội, chậm đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế. Hậu quả là đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, thất nghiệp quá cao, ruộng đất bị bỏ hoang, năng suất lao động thấp kém, lưu thông phân phối bị rối loạn, siêu lạm phát ... cùng với đó hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược, ảnh hưởng nặng nề của thiên tai... đã làm lòng dân không yên.

Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12 năm 1986) với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” đã nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH trong thời gian trước đó. Với tinh thần đổi mới toàn diện, bắt đầu từ đổi mới tư duy kinh tế, Đại hội chỉ rõ: “Muốn đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trong đó các

ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo nền kinh tế phát triển ổn định” [3]. Đại hội đã xác định: “Mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNH XHCN trong chặng đường tiếp theo” [2]. Đại hội này đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy lý luận với nhiều đột phá mà trọng tâm là đổi mới kinh tế, trong đó có những đổi mới về đường lối CNH với *nội dung* bao trùm là *chuyển trọng tâm từ phát triển công nghiệp nặng sang thực hiện chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm* với mục tiêu bảo đảm đủ lương thực cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ, đáp ứng ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm; *hàng tiêu dùng* với mục tiêu đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu; *hàng xuất khẩu* với mục tiêu tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, kim ngạch xuất khẩu đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu. Ba chương trình đó thuộc tất cả các ngành nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, nhưng nông nghiệp được ưu tiên về vốn, vật tư và lao động kỹ thuật; còn công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng phải điều chỉnh sắp xếp lại, chỉ xây dựng những công trình thật sự cần thiết theo khả năng thực tế, chuẩn bị tiền đề cho CNH ở chặng đường tiếp theo. Đây là sự cụ thể hoá nội dung chính của CNH XHCN trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH, là bước đột phá trong tư duy và nhận thức đổi mới về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ mới của Đảng.

Ngoài ra, những đột phá trong tư duy lý luận và thực tiễn cơ bản của Đảng về CNH cần được nhấn mạnh là: Xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp; sử dụng đầy đủ và đúng đắn các quan hệ hàng hóa - tiền tệ gắn với thị trường để giải phóng sức sản xuất xã hội, tạo nguồn lực phát triển kinh tế và tiến hành CNH; lần đầu tiên, thị trường được tham gia cùng Nhà nước phân bổ các nguồn lực xã hội cho CNH; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và các thành phần kinh tế đều là chủ thể đóng góp vào ổn định tình hình kinh tế - xã hội và thực hiện CNH; bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, từng bước khắc phục những sai lầm về cơ cấu trong CNH của những năm trước; mở cửa nền kinh tế, tham gia phân công lao động quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu đã được coi là một phương thức mới, rất quan trọng để thực hiện CNH,

B. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ VII

Sau Đại hội VI, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn rất khó khăn, thậm chí nhiều mặt còn diễn biến phức tạp hơn trước. Như vậy, các chủ trương đổi mới của Đại hội VI chưa tạo ra được những chuyển biến về mặt kinh tế - xã hội, trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã tìm nhiều biện pháp nhằm đưa đường lối Đại hội VI vào thực tế cuộc sống. Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Lần đầu tiên trong hai văn kiện này, Đảng đã thể hiện tư duy mới về CNH ở nước ta khi khẳng định phải tiến hành CNH theo hướng hiện đại. Mô hình CNH và con đường CNH cổ điển mà thế giới đã kiểm chứng là không còn phù hợp. Với lợi thế của nước đi sau, chúng ta thực hiện CNH theo hướng hiện đại để có cơ hội và điều kiện kết hợp tốt sức mạnh của thời đại và sức mạnh của dân tộc để nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp. Cương lĩnh khẳng định: “Phải phát triển LLSX, CNH đất nước theo hướng hiện đại, gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH” [1]. Hội nghị Trung ương 7 Khóa VII đã có bước đột phá mới trong nhận thức về CNH. Lần đầu tiên, phạm trù CNH, HĐH được xác định chính thức trong Văn kiện của Đảng: “CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao” [2]. Quan niệm này phản ánh một bước phát triển tư duy lý luận của Đảng về CNH, HĐH thể hiện trên các khía cạnh sau:

Phạm vi CNH, HĐH không chỉ là sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng giá trị công nghiệp và dịch vụ trong GDP mà là sự chuyển đổi căn bản toàn diện mọi hoạt động kinh tế và hoạt động quản lý.

Cốt lõi của CNH, HĐH là phát triển LLSX để dần đạt đến trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công được dần thay thế bằng sử dụng phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến.

CNH phải gắn với HĐH. Từ một nước có xuất phát điểm thấp, kinh tế chưa phát triển, kỹ thuật lạc hậu còn thua kém nhiều nước và trong điều kiện cách mạng khoa học-công nghệ phát triển mạnh, thực chất là đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học - công nghệ phát triển nhảy vọt của nhân loại đã đạt được trong thời kỳ mới.

Về nội dung, Đại hội xác định phát triển nông nghiệp và nông thôn được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu: phải rất quan tâm đến CNH, HĐH nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

C. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ VIII

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6 năm 1996) nhìn lại đất nước sau 10 năm đổi mới đã có nhận định quan trọng: Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho CNH đã cơ bản được hoàn thành, cho phép nước ta chuyển

sang thời kỳ mới đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Từ đó Đại hội đã xác định rõ: “Mục tiêu của CNH, HĐH là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất-kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, QHSX tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của LLSX, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp” [5]. Đại hội đã xác định *nội dung cơ bản* của CNH, HĐH trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là: Đặc biệt coi trọng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở các khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển, xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp thiết có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu-khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

Như vậy mặc dù không dùng cụm từ “mô hình CNH” nhưng quan điểm tổng quát trên đây chính là sự kết hợp giữa chiến lược CNH thay thế nhập khẩu và hướng về xuất khẩu, trong đó nhấn mạnh nguyên tắc lấy xuất khẩu làm hướng chính, thực hiện ngay ở giai đoạn đầu CNH đất nước, đồng thời kết hợp với sản xuất thay thế nhập khẩu ở những lĩnh vực trong nước sản xuất có hiệu quả. Đại hội VIII đã có sự khác căn bản về hình thức, nội dung, bước đi và giải pháp tiến hành, đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về CNH đất nước; khẳng định thực hiện lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần nhằm giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho CNH, HĐH.

D. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ IX

Đại hội IX của Đảng (tháng 4 năm 2001) đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 là “đẩy mạnh CNH, HĐH theo định hướng XHCN, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”. Chủ đề của Đại hội được xác định là “phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”. Chủ đề của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và chủ đề của Đại hội được quyết định tại Đại hội đã thể hiện nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển mới là “đẩy mạnh CNH, HĐH”.

Đại hội cũng xác định nội dung CNH, HĐH qua những nội dung về phương hướng, nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội và định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Đại hội IX đã đề ra đường lối kinh tế là: “Đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển LLSX, đồng thời xây dựng QHSX phù hợp theo định hướng XHCN; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh” [6].

Đại hội cũng tiếp tục bổ sung một số nhận thức mới về CNH, HĐH, cụ thể là: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010 phải là chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH theo định hướng XHCN, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển và xây dựng nền tảng để đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thực hiện mô hình CNH rút ngắn theo hướng hiện đại bằng lợi thế của đất nước, kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, trí tuệ và sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam; để có thể rút ngắn thời gian thực hiện CNH, phải phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế gắn chặt với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo đột phá để giải phóng và phát huy mọi nguồn lực cho CNH rút ngắn theo hướng hiện đại.

E. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ X

Đại hội X của Đảng (tháng 4 năm 2006) đã phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế, chỉ rõ những cơ hội và thách thức, đánh giá giai đoạn 2006-2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược kinh tế-xã hội 2001-2010, xác định mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006-2010 là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho CNH, HĐH đất nước ...tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [7].

Đại hội chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, về nội dung đã xác định: Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân: chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất; tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển rừng; phát triển rừng nguyên liệu gắn với

công nghiệp chế biến lâm sản; phát triển đồng bộ và có hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Những nhận thức mới của Đảng về CNH, HĐH của Đại hội X là: Một là, CNH, HĐH gắn liền với phát triển kinh tế tri thức; hai là, đẩy mạnh hơn nữa CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn; ba là, nhấn mạnh vai trò của kinh tế biển, kinh tế vùng trong CNH rút ngắn theo hướng hiện đại; bốn là, từ tư duy chủ động chuyển mạnh sang tư duy vừa chủ động vừa tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại.

F. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XI

Đại hội Đảng lần thứ XI (tháng 1 năm 2011) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X... Đại hội xác định mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị-xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau” [8]. Để thực hiện mục tiêu này, Đại hội đã nêu ra 8 phương hướng cơ bản về phát triển kinh tế-xã hội, trong đó phương hướng đầu tiên là “đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường”.

Đại hội xác định cần phải đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh CNH, HĐH, phát triển nhanh, bền vững. Theo định hướng này cần phải: Một là, phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, chế biến, công nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa chất, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông. Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Hai là, phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững theo hướng CNH, HĐH, phát huy ưu thế của nền nông nghiệp nhiệt đới gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn. Ba là, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh như các dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch, viễn thông... Bốn là, tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng. Hoàn thành quy hoạch kết cấu hạ tầng cả nước. Tập trung các nguồn lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống giao thông thiết yếu. Hiện đại hóa một số sân bay, cảng biển quan trọng.... Năm là, phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn. Đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm tạo động lực cho nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phát triển cho các vùng còn nhiều khó khăn. Hình thành hệ thống đô thị phân bố hợp lý ở các vùng; phát triển hài hòa giữa thành thị và nông thôn.

Những điểm mới trong tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đại hội XI gồm: Một là, tiếp tục khẳng định phải tập trung thực hiện tốt đột phá chiến lược về thể chế, kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực nhưng với tư duy mới là cần gắn chặt với việc thực hiện những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp thiết trong phát triển kinh tế của giai đoạn 2011-2020; hai là, trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH phải giải quyết tốt quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng, giữa tăng trưởng cao và ổn định kinh tế vĩ mô, giữa kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô với đổi mới mô hình tăng trưởng, giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng và an ninh; ba là, từ tư duy hội nhập kinh tế quốc tế phát triển thành tư duy hội nhập quốc tế; đẩy mạnh CNH, HĐH trong môi trường hội nhập quốc tế và trên cơ sở kết quả của hội nhập quốc tế; bốn là, tạo bước ngoặt mới trong CNH nông nghiệp và nông thôn, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

G. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XII

Đại hội Đảng lần thứ XII (tháng 1 năm 2016) trên cơ sở đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI và nhìn lại 30 năm đổi mới, trên cơ sở dự báo tình hình thế giới và đất nước, thực tế cho thấy đến thời điểm của Đại hội thì nền kinh tế vẫn chưa phát triển bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được yêu cầu, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường ... như vậy đến năm 2020 nước ta không thể cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại như Đại hội XI đã đề ra, Đại hội XII đã xác định mục tiêu tổng quát: “... Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [9].

Một trong những nhiệm vụ tổng quát mà Đại hội đã đề ra là: Phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh CNH, HĐH, chú trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

H. NHỮNG ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII

Đại hội Đảng lần thứ XIII (tháng 1 năm 2021) diễn ra trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết, từ tình hình quốc tế, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường đến các thách thức mang tính toàn cầu về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và cả những thành tựu ngoạn mục của tiến bộ khoa học và công nghệ đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống kinh tế-xã hội của nước ta cũng như toàn thế giới. Trên cơ sở đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và nhìn lại 35 năm đổi mới, trên cơ sở dự báo tình hình thế giới và đất nước, Đại hội XIII đã có sự điều chỉnh trong việc xác định mục tiêu tổng quát: "... Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN. Với các mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.
- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.
- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao" [10].

Đây là lần đầu tiên Đại hội đã đưa ra mục tiêu với các mốc thời gian cụ thể và dài hạn, để thực hiện các mục tiêu trên thì cần phải tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể là: Điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, các vùng phù hợp với thực tiễn đất nước và trình độ phát triển khoa học, công nghệ hiện đại trên thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại; phát triển một số sản phẩm chủ lực có thương hiệu mạnh, có uy tín trong khu vực và thế giới. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số nền kinh tế quốc gia và phát triển kinh tế số-như vậy đây cũng là lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội, Đảng ta đề cập đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với nhận định cuộc công nghiệp này; Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh kết hợp phục vụ dân sinh. Dựa trên công nghệ mới, hiện đại để phát triển các ngành công nghiệp vẫn còn có lợi thế (chế biến nông sản, dệt may, da giày...), tạo nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng quốc gia. Bố trí lại công nghiệp trên các đại bàn lãnh thổ hợp lý hơn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp. Nâng cao trình độ khoa học, công nghệ ngành xây dựng đủ năng lực thiết kế, thi công các công trình xây dựng lớn, phức tạp, hiện đại, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hiện đại và nông dân văn minh, ...

II. KHÁI QUÁT BƯỚC CHUYỂN BIẾN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ ĐÃ THỰC HIỆN SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI

A. KHÁI QUÁT BƯỚC CHUYỂN BIẾN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ CNH, HĐH

Có thể khái quát bước chuyển biến tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đảng về CNH XHCN ở các nét lớn sau đây:

- Một là, từ CNH gắn với quan niệm xây dựng QHSX XHCN đi trước mở đường cho sự phát triển của LLSX, chuyển sang thực hiện ưu tiên phát triển LLSX, đồng thời xây dựng QHSX phù hợp.
- Hai là, chuyển từ CNH XHCN với cách làm nóng vội, bỏ qua các bước đi trung gian cần thiết, đã chuyển sang thực hiện CNH vừa có bước tuần tự, giai đoạn trước tạo tiền đề cho sự phát triển của giai đoạn sau theo trật tự tuyến tính, vừa cho phép phát triển rút ngắn trên cơ sở đi tắt, đón đầu các thành tựu phát triển nhảy vọt về khoa học và công nghệ của thế giới.
- Ba là, từ quan niệm CNH cổ điển chuyển sang quan niệm CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, thực hiện các mục tiêu phát triển trước mắt phải đi đôi với yêu cầu không làm tổn hại đến khả năng phát triển trong tương lai phát triển bền vững.
- Bốn là, từ chủ trương xác lập nóng vội cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, có cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.

- Năm là, từ nền kinh tế “hướng nội”, quan hệ chỉ khép kín trong hệ thống XHCN, chuyển sang thực hiện một nền kinh tế mở đa dạng hóa, đa phương hóa phù hợp với thông lệ quốc tế, hướng mạnh về xuất khẩu kết hợp với thay thế nhập khẩu.
- Sáu là, chuyển từ quan niệm CNH XHCN là trách nhiệm của các thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể sang CNH là trách nhiệm của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo.
- Bảy là, chuyển từ CNH thực hiện trong khuôn khổ thể chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang tuân theo thị trường, gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới thành một chính thể hữu cơ, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Với các bước chuyển này, Đảng ta đã nhận thức rõ, khẳng định và làm sâu sắc thêm sự cần thiết phải tiến hành CNH, HĐH; xây dựng hệ thống quan điểm làm cơ sở định hướng tiến trình theo mục tiêu đã lựa chọn; xác định đúng những nội dung cơ bản, cụ thể hóa trong ngắn hạn và các điều kiện, tiền đề cần thiết cho đẩy mạnh CNH, HĐH trong giai đoạn mới. Nhờ đó, việc lãnh đạo và tổ chức thực tiễn công cuộc đổi mới đã thu được những kết quả quan trọng.

B. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ ĐÃ THỰC HIỆN SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI

Nhìn lại hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Đại hội XIII đã bổ sung, nhấn mạnh một đánh giá mới, rất quan trọng về đất nước sau 35 năm đổi mới: Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Đây là đánh giá mới nhất và lần đầu tiên được đưa vào Văn kiện Đại hội, đó cũng là sự khái quát cao những thành tựu của đất nước.

Nền kinh tế tăng nhanh về quy mô: Hơn 35 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng nhanh. Năm 1986 bắt đầu tiến hành đổi mới trong bối cảnh lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, đời sống nhân dân rất khó khăn, đến năm 1996, chấm dứt khủng hoảng kinh tế-xã hội. Năm 2008, nước ta bước ra khỏi tình trạng là nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4% thì giai đoạn 1991-1995, GDP bình quân đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016-2019 đạt mức bình quân 6,8%. Trong năm 2021, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng tốc độ tăng GDP của Việt Nam vẫn tăng 2,58% trong khi có nhiều nước tăng trưởng âm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới.

Quy mô GDP tiếp tục được mở rộng: năm 1989 mới đạt 6,3 tỷ USD/năm thì đến năm 2020 đã đạt khoảng 268,4 tỷ USD/năm. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt, năm 1985 bình quân thu nhập đầu người mới đạt 159 USD/năm thì đến năm 2020 đạt khoảng 2.750 USD/năm.

Môi trường đầu tư liên tục được cải thiện, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn vốn đầu tư cho phát triển. Tính riêng năm 2019, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành đạt 2.046,8 nghìn tỷ đồng; theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam năm 2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Có 1738 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong năm 2021 với tổng vốn đăng ký đạt trên 15,2 tỷ USD, tăng 4,1% về giá trị so với năm 2020. Về vốn đăng ký điều chỉnh, có 985 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 9,01 tỷ USD, tăng 40,5% so với năm 2020. Ngoài ra, tại Việt Nam đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp... Nhìn chung, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển mạnh mẽ.

Việt Nam, từ chỗ thiếu ăn, đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn. Đặc biệt, trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 khiến hoạt động thương mại và đầu tư thế giới suy giảm, thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019; xuất siêu 19,1 tỷ USD cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016. Với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế. Trong năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020, trong đó xuất khẩu tăng 19%, nhập khẩu tăng 26,5% [11].

1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỀ CƠ BẢN ĐÃ GẮN KẾT Hài HÒA VỚI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA-XÃ HỘI

Trong suốt quá trình hơn 35 năm đổi mới, việc tăng trưởng kinh tế đã cơ bản gắn kết hài hòa với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tăng trưởng kinh tế đi

đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm; từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu-nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Công tác giảm nghèo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng. Tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010, 7% năm 2015 và còn dưới 3% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều).

Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực, như: Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99% (đứng thứ 2 trong khu vực ASEAN sau Singapore); tỷ lệ học sinh đi học và hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08%, đứng ở tốp đầu của khối ASEAN.

Vị thế các trường đại học của Việt Nam đã được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới, năm 2019 xếp thứ 68/196 quốc gia trên thế giới, tăng 12 bậc so với năm 2018. Lần đầu tiên, Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học được vào top 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới. Việt Nam đang là điểm đến được lựa chọn của nhiều sinh viên quốc tế trong những năm gần đây. Theo Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Việt Nam đã tạo ra một câu chuyện huyền thoại trong công cuộc giảm nghèo với chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2019 là 0,704, xếp thứ 117 trong tổng số 189 nước, nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng chỉ số HDI cao nhất trên thế giới.

Năng lực của hệ thống các cơ sở y tế được củng cố và phát triển. Nhờ đó, người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ y tế hơn. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cũng được chú trọng đầu tư, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân... Việt Nam là một trong số ít quốc gia có hệ thống y tế hoàn chỉnh, tổ chức rộng khắp tới tận thôn, bản; làm chủ được nhiều kỹ thuật công nghệ cao mang tầm thế giới như: ghép chi, tim, gan, thận...; kiểm soát được nhiều dịch bệnh nguy hiểm, trong đó có Covid-19; chủ động sản xuất được nhiều loại vắc xin phòng bệnh, mới đây nhất là vắc xin phòng Covid-19.

Bên cạnh đó, công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Đến nay, diện thụ hưởng chính sách an sinh xã hội ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 25 năm qua, ngành bảo hiểm xã hội đã giải quyết cho hơn 112,5 triệu lượt người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Từ năm 2003-2018, ngành bảo hiểm xã hội phối hợp với ngành y tế đã đảm bảo quyền lợi cho trên 1.748 triệu lượt người tham gia khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, bình quân mỗi năm có trên 109 triệu lượt người thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Ngoài ra, các phong trào “Tương thân tương ái,” “Đền ơn đáp nghĩa,” “Uống nước nhớ nguồn” do các cấp và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân thực hiện và hưởng ứng tham gia trong những năm qua cũng đã phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đóng góp đáng kể an sinh xã hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, vùng khó khăn.

2. HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG, VỊ THẾ QUỐC TẾ NGÀY Càng ĐƯỢC NÂNG CAO

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế; tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO. Đã có 71 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

Từ khi gia nhập WTO đến nay, Việt Nam đã ký kết 15 FTA khu vực và song phương và đang đàm phán 2 FTA với các đối tác khác. Các FTA mà Việt Nam tham gia có độ phủ rộng hầu hết các châu lục với gần 60 nền kinh tế có tổng GDP chiếm gần 90% GDP thế giới, trong đó có 15 nước thành viên G20 và 9/10 đối tác kinh tế-thương mại lớn nhất của Việt Nam thuộc 3 trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới là Bắc Mỹ, Tây Âu và Đông Á. Do đó, việc tham gia và thực thi các FTA sẽ mang lại những cơ hội lớn cho Việt Nam, tác động tích cực tới phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm.

Việt Nam cũng là thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm cao trong các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã tham gia vào Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), các tổ chức của Liên hợp quốc... đóng góp tích cực và đang trở thành nước có vị thế và vai trò ngày càng cao ở khu vực, được cộng đồng quốc tế tôn trọng. Bên cạnh đó, Việt Nam đã được tin nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên hợp quốc, như: Hội đồng Nhân quyền nhiệm kỳ 2014-2016, Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO nhiệm kỳ 2013-2017, Hội đồng kinh tế-xã hội của Liên hợp quốc (ECOSOC) nhiệm kỳ 2016-2018.

Năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch AIPA. Trong bối cảnh vô cùng khó khăn của đại dịch Covid-19 và những thiệt hại nặng nề do thiên tai bão lũ... song Việt Nam đã hoàn thành tốt cả ba trọng trách, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh COVID-19 vẫn có những diễn biến phức tạp trên toàn cầu, song các hoạt động đối ngoại đa phương và song phương của Việt Nam vẫn được tiến hành liên tục. Tiêu biểu là sự kiện Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng điện đàm với lãnh đạo các nước, tiếp nhiều đoàn khách quốc tế; Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc thăm Liên bang Nga, Cuba, Campuchia; Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm Nhật Bản, tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 38, 39 và các hội nghị cấp cao liên quan; tham dự Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) và tiếp xúc song phương với nguyên thủ các quốc gia, thăm làm việc tại Vương quốc Anh, thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp; Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ thăm châu Âu, Hàn Quốc, Ấn Độ...

Năm 2021, hội nghị Đối ngoại toàn quốc triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là hội nghị toàn quốc đầu tiên do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo tổ chức để bàn về công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và của cả hệ thống chính trị. Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia vào công việc chung của các tổ chức quốc tế lớn; đóng góp thực chất vào quá trình thương lượng, tìm giải pháp, đáp ứng mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế, được các nước đánh giá cao, thể hiện tầm vóc và vị thế quốc tế ngày càng cao của nước ta.

Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đặc biệt coi trọng đẩy mạnh CNH, HĐH, coi đây là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Qua các kỳ Đại hội, Đảng ta đã từng bước tổng kết thực tiễn, kế thừa, phát triển tư tưởng lý luận và bổ sung nhận thức ngày càng rõ hơn về CNH, HĐH; CNH, HĐH rút ngắn, gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, bước đi và cả nguồn lực để bảo đảm thực hiện CNH, HĐH phù hợp với tình hình cụ thể trong nước và quốc tế qua từng giai đoạn. Trong hơn 35 năm đẩy mạnh CNH, HĐH, đất nước đã đạt được những thành tựu rất to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu này bắt nguồn từ thay đổi nhận thức và đổi mới tư duy về phát triển nói chung và về CNH, HĐH nói riêng. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới của khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng, điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước đã có nhiều biến đổi nên việc phát triển lý luận về CNH, HĐH vẫn cần tiếp tục làm sáng rõ, đáp ứng những yêu cầu thay đổi để phù hợp thực tiễn đất nước.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 53, tr.554.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, tr.47.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, tr.72.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.80.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.89.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.23.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.31.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.76.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.112.
- [11] Tổng cục Thống kê: *Số liệu thống kê các năm*.

AN INVESTIGATION INTO VIETNAM'S COMMUNIST PARTY'S RATIONAL INFERENCE REGARDING INDUSTRIALIZATION AND MODERNIZATION AFTER 35 YEARS OF INNOVATION WITH A GENERAL ASSESSMENT OF ACHIEVED RESULTS

Nguyen Hong Hai, Nguyen De Thuy

ABSTRACT — To begin with, each evolving stage of industrialization and modernization represents its unique meaning to the whole process. Each step carries a booster of techniques and infrastructure for socialism, a well-trained labor force and a contribution in perfecting the relation of socialist production. Based on these grounds, industrialization and modernization, chosen by our Party and the people, gradually strengthen our social civilization. To have these huge successes nowadays, we need to become aware of the rational inference regarding industrialization and modernization after 35 years of innovation.

Keywords — Innovative thinking, industrialization, modernization, innovation results, industrial model.



Nguyễn Hồng Hải: Tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế chính trị năm 1984 tại trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Thạc sỹ kinh tế năm 1999 tại trường Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội. Tiến sỹ kinh tế năm 2009 tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM; từng là giảng viên Trường Đại học An ninh nhân dân, Trường

Đại học Nông lâm TP.HCM. Từ năm 2011 đến nay là giảng viên, trưởng khoa Lý luận chính trị của Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM.



Nguyễn Đê Thủy: Tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế chính trị năm 1984 tại trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Thạc sỹ kinh tế năm 1999 tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội; từng là giảng viên, Phó trưởng khoa, Khoa Khoa học ứng dụng Trường Đại học Bách khoa TP.HCM. Từ năm 2018 đến

nay là giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Ngoại ngữ-Tin học TP.HCM.